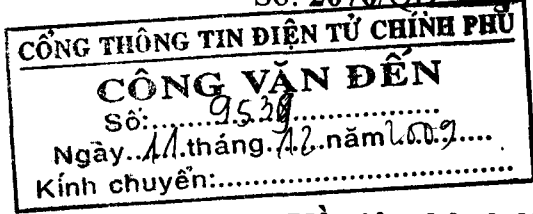


Số: 2070/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2009



QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước tại tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2009 và công văn số 3973/UBND-NC ngày 25 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại công văn số 3647/BNV-TCBC ngày 09 tháng 11 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập và quy định vị trí, chức năng của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước.

1. Thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý) trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Phước (được thành lập theo Quyết định số 114/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ) với Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, tỉnh Bình Phước (thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước).

2. Ban Quản lý là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Phước; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác

liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh cho nhà đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu hình Quốc huy, trụ sở làm việc tại tỉnh Bình Phước; là đầu mối kế hoạch ngân sách của tỉnh Bình Phước; được cân đối riêng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương. Kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí hoạt động sự nghiệp của Ban Quản lý do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý

Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại:

1. Điều 81 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Các Điều 37 và 38 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

3. Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế của Ban Quản lý.

1. Lãnh đạo Ban Quản lý:

Ban Quản lý có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.

Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước bổ nhiệm, miễn nhiệm theo tiêu chuẩn chức danh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành; Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý.

2. Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý:

a) Các tổ chức hành chính gồm: văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và đại diện Ban Quản lý tại khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

b) Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc

Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong từng giai đoạn cụ thể, Trưởng ban Ban Quản lý chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định theo thẩm quyền về thành lập tổ chức sự nghiệp thuộc Ban Quản lý.

3. Biên chế:

a) Biên chế hành chính của Ban Quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định trong tổng biên chế hành chính được giao gồm: Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, biên chế của văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và đại diện Ban Quản lý tại khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

b) Biên chế sự nghiệp của Ban Quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp và cơ chế quản lý biên chế đối với đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

4. Trưởng ban Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ các quyết định:

a) Quyết định số 114/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Phước;

b) Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, tỉnh Bình Phước;

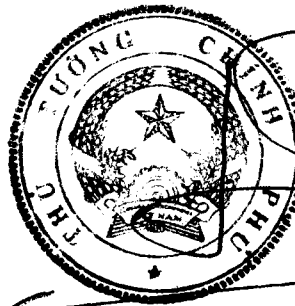
c) Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, tỉnh Bình Phước;

d) Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b). XH 240